Danh sách đơn vị

STT	Tên tỉnh	Số quyết định	Ngày công bố KQĐT	Ngày hết hạn thầu	Hình thức đấu thầu	Thông tư áp dụng	Tên gói thầu	Số lượng mặt hàng	Giá trị gói thầu (đồng)
1	**Ninh Bình**								
	Sở y tế	2386 /QĐ-SYT	18112022	09062024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	17	9.609.566.072
	Sở y tế	2386 /QĐ-SYT	18112022	09062024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	5	11.126.695.500
	Sở y tế	2386 /QĐ-SYT	18112022	09062024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	4	7.715.913.072
	Sở y tế	2386 /QĐ-SYT	18112022	09062024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	17	4.786.625.123
	TTYT TP Ninh bình	183/QĐ-TTYT	18112022	14032023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	5	97.281.157
	BV phổi	475/QĐ-BVP	10072022	10072023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	BDG	12	7.857.835.520
	TTYT huyện Tam Điệp	492/QĐ-TTYTTĐ	28112022	28112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	BDG	8	176.442.740
	BV tâm thần	898/QĐ-BVTT	29112022	29112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	1	71.000.000
	BV tâm thần	898/QĐ-BVTT	29112022	29112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	6	364.260.180
	BVĐK tỉnh Ninh Bình	3936/QĐ-BVĐK	06122022	31072023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	15	6.326.830.200
	BVĐK tỉnh Ninh Bình	3936/QĐ-BVĐK	06122022	31072023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	8	4.613.772.400
	BVĐK tỉnh Ninh Bình	3936/QĐ-BVĐK	06122022	31072023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	1	307.663.200
	BVĐK tỉnh Ninh Bình	3936/QĐ-BVĐK	06122022	31072023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	22	4.219.214.975
	BVĐK tỉnh Ninh Bình	3936/QĐ-BVĐK	06122022	31072023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	2	172.800.000
	Bệnh viện Chỉnh hình	153/QĐ-BVCH	06122022	06122023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	3	14.512.890
	Bệnh viện Chỉnh hình	153/QĐ-BVCH	06122022	06122023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	5	152.554.480
2	**Lâm Đồng**								
	Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng	1481/QĐ-SYT	01122022	01122023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	124	47.880.120.267

	Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng	3204/QĐ-BVĐK	27102022	27102023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	26	2.327.641.000
	Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng	3477/QĐ-BVĐK	21112022	27102023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	1	359.604.000
	BV.YHCT Phạm Ngọc Thạch	52/QĐ-YHCT	20092022	20092023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	131	1.878.975.620
	BV.YHCT Phạm Ngọc Thạch	53/QĐ-YHCT	20092022	20092023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	11	285.876.000
	Bệnh viện II Lâm Đồng	1153/QĐ-BVIILĐ	26102022	26102023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	35	2.123.710.000
	Bệnh viện II Lâm Đồng	1204/QĐ-BVIILĐ	11112022	11112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	7	831.025.000
	Bệnh viện II Lâm Đồng	674/QĐ-BVIILĐ	01072022	01072023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	4	699.988.800
	Bệnh viện II Lâm Đồng	694/QĐ-BVIILĐ	07072022	07072023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	25	2.939.012.200
3	**Khánh Hòa**								
	Sở Y tế	675/QĐ-SYT	04082022	03082024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	80	51.498.445.206
	Sở Y tế	675/QĐ-SYT	04082022	03082024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	38	15.308.196.000
	Sở Y tế	675/QĐ-SYT	04082022	03082024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	14	10.563.906.800
	Sở Y tế	675/QĐ-SYT	04082022	03082024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	101	34.231.082.670
	Sở Y tế	675/QĐ-SYT	04082022	03082024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	11	1.640.082.000
	Sở Y tế	676/QĐ-SYT	04082022	03082024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	1	1.172.340.000
	Sở Y tế	676/QĐ-SYT	04082022	03082024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	21	25.003.866.800
4	**Tiền Giang**								
	Trung tâm y tế thị xã Cai Lậy	481/QĐ-TTYT TXCL	08112022	09112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	1	122.000.000
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	1082/QĐ-BVĐKTG	11112022	23112022	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	BDG	58	8.068.841.348
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	1104/QĐ-BVĐKTG	20221118	20231118	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	16	1.578.128.648
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	1104/QĐ-BVĐKTG	20221118	20231118	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	8	1.689.505.040

	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	1104/QĐ-BVĐKTG	20221118	20231118	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	1	307.016.600
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	1104/QĐ-BVĐKTG	20221118	20231118	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	30	2.485.285.069
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	1104/QĐ-BVĐKTG	20221118	20231118	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	2	676.336.566
	Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy	1693/QĐ-BVĐKCL	20221101	20231031	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	1	448.875.000
	Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy	1694/QĐ-BVĐKCL	20221101	20231031	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	1	286.715.700
5	**Ninh Thuận**								
	Sở Y tế	730/QĐ-SYT	21112022	20112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	302	83.088.289.090
	Sở Y tế	730/QĐ-SYT	21112022	20112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	230	50.987.462.200
	Sở Y tế	730/QĐ-SYT	21112022	20112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	83	26.373.720.200
	Sở Y tế	730/QĐ-SYT	21112022	20112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	674	118.865.949.970
	Sở Y tế	730/QĐ-SYT	21112022	20112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	23	9.450.918.950
	Sở Y tế	654/QĐ-SYT	21102022	20102023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	2	296.511.900
	Sở Y tế	654/QĐ-SYT	21102022	20102023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	4	392.310.450
	Sở Y tế	654/QĐ-SYT	21102022	20102023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	3	409.650.250
	Sở Y tế	775/ QĐ-SYT	01122022	30112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	196	46.937.594.350
6	**Bắc Ninh**								
	Sở Y tế	727/QĐ-SYT	13102022	042023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	80	18.171.672.100
	Sở Y tế	728/QĐ-SYT	13102022	042023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	3	637.200.000
7	**Hưng Yên**								
	Sở Y tế	679/QĐ-SYT	28102022	31122023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	670	382.070.225.599
	Sở Y tế	680/QĐ-SYT	28102022	31122023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	BDG	68	37.243.825.462

	Sở Y tế	681/QĐ-SYT	28102022	31122023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	59	33.335.139.888
8	**Lạng Sơn**								
	Sở Y tế	2253/QĐ-SYT	17102022	16102023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Vị thuốc	27	943.633.110
	Sở Y tế	2253/QĐ-SYT	17102022	16102023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	71	12.439.481.000
	Sở Y tế	2253/QĐ-SYT	17102022	16102023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic, BDG	719	169.807.863.742
9	**Quảng Ninh**								
	Sở Y tế	2125/QĐ-SYT	17112022	17112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	144	92.585.240.545
10	**Thái Nguyên**								
	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	1568/QĐ-BVTWTN	21092022	20092023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm, Vị thuốc	743	2.311.948.150
	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	1597/QĐ-BVTWTN	27092022	26092023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic,BDG	94	286.659.855.200
11	**Tuyên quang**								
	Sở Y tế	1675/QĐ-SYT	17112022	16052024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	678	360.941.158.856
	Sở Y tế	1746/QĐ-SYT	12122022	11062024	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	77	28.854.336.396
12	**Đà Nẵng**								
	Bệnh viện C Đà Nẵng	1683/BVC-KD	14112022	14112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	BDG	93	21.391.282.430
	Bệnh viện C Đà Nẵng	1683/BVC-KD	14112022	14112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	353	32.719.686.720
	Bệnh viện C Đà Nẵng	1683/BVC-KD	14112022	14112023	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	7	1.756.750.000
13	**Thừa Thiên Huế**								
	Bệnh viện Trung ương Huế	1273/QĐ-BVH	02122022	12 tháng từ khi ký hợp	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	BDG	125	274.243.476.495
	Bệnh viện Trung ương Huế	1449/QĐ-BVH	26122022	12 tháng từ khi ký hợp	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	373	446.987.868.055
	Bệnh viện Trung ương Huế	1449/QĐ-BVH	26122022	12 tháng từ khi ký hợp	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	67	92.878.901.150
	Bệnh viện Trung ương Huế	1449/QĐ-BVH	26122022	12 tháng từ khi ký hợp	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	8	1.770.366.000

	Bệnh viện Trung ương Huế	1449/QĐ-BVH	26122022	12 tháng từ khi ký hợp	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	131	62.117.281.300
	Bệnh viện Trung ương Huế	1449/QĐ-BVH	26122022	12 tháng từ khi ký hợp	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic	33	23.842.139.160
14	**Quảng Bình**								
	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	2085/QĐ-BV	25072022	09 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	BDG	30	4.843.020.800
	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	612/QĐ-BV	02032022	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic, Chế phẩm YHCT	86	33.782.088.110
	Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	1167/QĐ-BV	10112022	7 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	ĐTRR	Thông tư 15/2019/TT-BYT	Generic, Chế phẩm YHCT	26	2.403.924.400